# Tiết 14 – Đọc văn bản:

**Văn bản 1: THU ĐIẾU**

**(*Mùa thu câu cá*) -** Nguyễn Khuyến

Thời gian thực hiện

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| *Ngày, tháng, năm* | *Lớp* | *Số học sinh tham gia* |
| *03/10/2023* | *8A* | *Tổng số HS: 40;* |

**I. MỤC TIÊU**

**1. Năng lực**

***a) Năng lực đặc thù***

- Nhận biết được đặc điểm về niêm, luật; xác định bố cục; phân tích được giá trị nội dung và nghệ thuật của bài thơ *Thu điếu.* Từ đó hình thành, rèn luyện năng lực đọc hiểu một bài thơ thất ngôn bát cú Đường luật. (1)

- Cảm nhận được tình yêu thiên nhiên, nỗi niềm thời thế của tác giả. (2)

- Biết trân trọng và gìn giữ những giá trị văn hóa truyền thống. (3)

***b) Năng lực chung***

- Năng lực tự chủ và tự học: chủ động, tích cực thực hiện các nhiệm vụ học tập. (4)

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: thực hiện được các nhiệm vụ học tập một cách hiệu quả, có tính sáng tạo. (5)

**2. Phẩm chất**

- Yêu nước: biết trân trọng, gìn giữ những giá trị văn hoá truyền thống. (6)

- Chăm chỉ: luôn cố gắng vươn lên, đạt kết quả tốt trong học tập. (7)

- Trách nhiệm: có trách nhiệm với việc học tập. (8)

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Chuẩn bị của GV**

- Kế hoạch bài dạy, SGK, SGV...

- Phiếu học tập, bảng phụ...

**2. Chuẩn bị của HS:**

- SGK, SBT Ngữ văn 8 tập 1, vở ghi, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**Hoạt động 1: KHỞI ĐỘNG (5 phút)**

**a. Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập.

**b. Nội dung:** HS chia sẻ kinh nghiệm của bản thân.

**c. Sản phẩm:** Nhận thức và thái độ học tập của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

Chúng ta đang ở trong những tháng ngày của mùa thu. Vậy, đối với em, mùa thu để lại trong em những ấn tượng gì? (về thời tiết, thiên nhiên, các hoạt động, món ăn đặc trưng…)

- Thời tiết: mát mẻ, trong lành, dễ chịu…

- Thiên nhiên: Những con đường rợp lá vàng bay, hương hoa sữa ngạt ngào khắp con phố, gió heo may se se lạnh…

- Các hoạt động: khai giảng, trung thu, ngày Quốc khánh…

- Món ăn: cốm, hồng, bánh trung thu…

***GV giới thiệu bài mới:*** Xuân - Hạ - Thu - Đông có lẽ là quy luật của tạo hóa. Nhưng mùa thu bao giờ cũng để lại trong lòng người những ấn tượng thật đặc biệt. Mùa thu đến mang theo hơi gió lành lạnh mỗi buổi sớm mai thức giấc. Mùa thu, bầu trời như đẩy lên cao hơn, trong xanh vời vợi. Nhưng nhắc đến mùa thu cũng là nhắc đến nỗi buồn, nhắc đến cô hơn, hiu quạnh trong những tâm hồn dễ rung cảm của biết bao thi nhân. Thiên nhiên ở vùng đồng bằng Bắc Bộ cùng những trăn trở, suy tư trước thời thế của nhà thơ Nguyễn Khuyến cũng được thể hiện trong một bàu thơ viết về mùa thu như thế. Trong buổi học ngày hôm nay, cô trò chúng ta sẽ tìm hiểu bài thơ **“Thu điếu”** – một bài thơ trong chùm thơ thu nổi tiếng của Nguyễn Khuyến.

**Hoạt động 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI (30 phút)**

**Hoạt động 2.1: Đọc - tìm hiểu chung**

**a. Mục tiêu:** (1), (2), (4), (5), (7), (8)

**b. Nội dung:** HS tìm hiểu chung về tác giả, tác phẩm.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV HS** | **NỘI DUNG** |
| **\* Nhiệm vụ 1: Đọc văn bản**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV hướng dẫn HS cách đọc văn bản:  + Đọc to, rõ ràng, đúng tốc độ, nhịp điệu. Chú ý cách ngắt nhịp, gieo vần của các câu thơ.  + Sử dụng chiến lược đọc: theo dõi, hình dung.  - GV yêu cầu cả lớp chú ý văn bản ở SGK, gọi 1-2 HS đọc văn bản.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS đọc văn bản.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  - HS nhận xét. GV quan sát, hỗ trợ (nếu cần).  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  - GV nhận xét, đánh giá.  **\* Nhiệm vụ 2: Tìm hiểu về tác giả, tác phẩm**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HSđọc SGK,tìm hiểu những thông tin chính về tác giả và tác phẩm.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS đọc SGK, thực hiện nhiệm vụ.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  - HS trả lời câu hỏi.  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung.  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  - GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức.  **GV mở rộng kiến thức về tác giả:**  **\* Tam Nguyên Yên Đổ:** Đỗ đầu cả ba kỳ thi (Hương, Hội, Đình) nên thường được gọi là Tam nguyên Yên Đổ. Ông xuất thân trong một gia đình nhà Nho nghèo, có truyền thống khoa bảng. Bản thân ông từ nhỏ đã nổi tiếng là người thông minh, học giỏi.  **\* Nội dung thơ ca:**  - Tình cảm thiết tha gắn bó với quê hương.  - Ẩn chứa tâm sự yêu nước cùng nỗi u uẩn trước thời thế.  **\* Đề tài sáng tác chính:** Cảnh sắc thiên nhiên và cuộc sống thân thuộc, bình dị của làng quê.  **\* Đặc điểm thơ:**  - Ngòi bút tả cảnh chân thực, tài hoa  - Ngôn ngữ thơ giản dị, điêu luyện  **\* Sáng tác tiêu biểu:** Gồm cả chữ Hán và chữ Nôm với số lượng lớn, hiện còn trên 800 bài gồm thơ, văn, câu đối nhưng chủ yếu là thơ, trong đó nổi tiếng là ba bài thơ: *Thu vịnh, Thu điếu, Thu ẩm* | **I. ĐỌC - TÌM HIỂU CHUNG**  **1. Đọc văn bản**  **2. Tìm hiểu chung**  ***a. Tác giả***  **- Quê quán:** Xã Yên Đổ, huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nam.  **- Gia đình:** nhà Nho nghèo, có truyền thống khoa bảng.  **- Đề tài sáng tác:** Cảnh sắc thiên nhiên và cuộc sống thân thuộc, bình dị của làng quê.  ***b. Tác phẩm***  **- Hoàn cảnh sáng tác:**  + Trong thời gian ông ở ẩn.  + Thuộc chùm thơ thu của ông.  **- Thể thơ**: Thất ngôn bát cú Đường luật.  **- Đề tài**: Mùa thu. |

**Hoạt động 2.2: Đọc hiểu văn bản**

**a. Mục tiêu:** (1), (2), (4), (5), (7), (8)

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV HS** | **NỘI DUNG** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV gọi 1 HS đọc phần ***Tri thức Ngữ văn*** về *thơ Đường luật* và thể thơ *thất ngôn bát cú Đường luật* (SGK, tr.39) và yêu cầu cả lớp chú ý, theo dõi.  - GV hướng dẫn HS tìm hiểu đặc điểm thi luật của thể thơ thất ngôn bát cú Đường luật được thể hiện trong bài thơ “Thu điếu”  - GV phát *Phiếu học tập số 1* (Phần phụ lục).  - HS thực hiện cá nhân, thời gian:8 phút.  - GV hướng dẫn HS hoàn thiện *Phiếu học tập số 1*.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - Thực hiện nhiệm vụ.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  - HS báo cáo sản phẩm.  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  - GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức. | **II. ĐỌC HIỂU VĂN BẢN**  **1. Đặc điểm thi luật của thể thơ thất ngôn bát cú Đường luật**  **\* Bố cục:** 2 phần  + 6 câu đầu: Hình tượng thiên nhiên mùa thu  + 2 câu cuối: Hình tượng con người.  **\* Luật bằng trắc:**  - Luật bằng  - Các thanh bằng trắc đan xen nhau (2,4,6)  **\* Liên** (trong mỗi cặp câu) các thanh bằng, trắc ngược nhau  **\* Niêm** (cùng thanh)  **\* Vần, nhịp, đối** (ở hai câu thực và hai câu luận)  - Bài thơ gieo vần “eo” ở các chữ cuối của ác câu 1,2,4,6,8 – thanh bằng, chủ yếu ngắt nhịp 4/3. |

**Hoạt động 3: LUYỆN TẬP (10 phút)**

**a. Mục tiêu:** (1), (4), (5), (7), (8)

**b. Nội dung:** HS khắc sâu kiến thức về đặc điểm thi luật của thể thơ thất ngôn bát cú Đường luật.

**c. Sản phẩm:** Kết quả của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

GV hướng dẫn HS hoàn thiện ***Phiếu học tập số 2***: Tìm hiểu đặc điểm thi luật của thể thơ thất ngôn bát cú Đường luật qua bài thơ *“Qua đèo Ngang”* (Phần *Thực hành đọc*, SGK, tr.56). Đặc điểm thi luật của bài thơ *“Qua đèo Ngang”* và bài thơ *“Thu điếu”* có gì khác nhau?

**Hoạt động 4: VẬN DỤNG (về nhà)**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để giải quyết vấn đề, củng cố bài học.

**b. Nội dung:** Sử dụng kiến thức đã học để thực hiện nhiệm vụ.

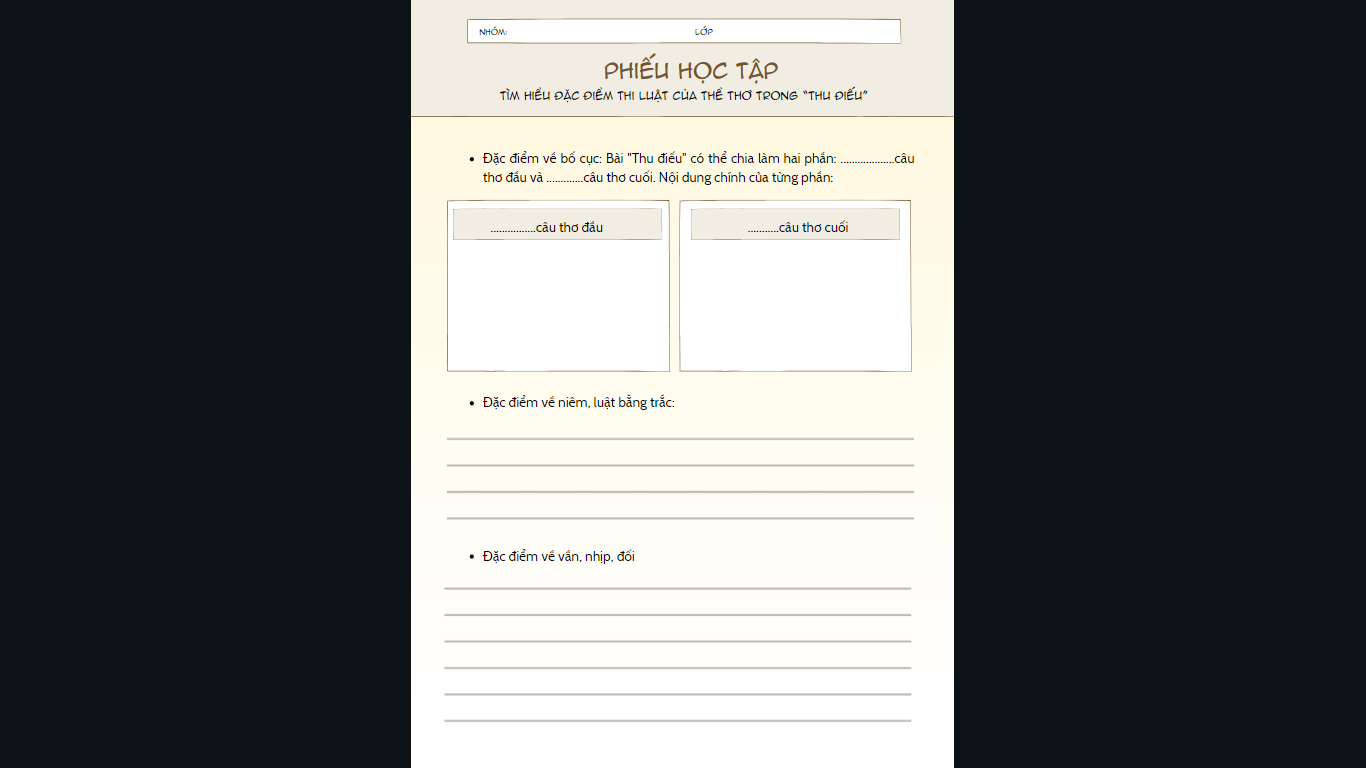
**c. Sản phẩm:** Sản phẩm của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

- Hoàn thiện Phiếu học tập số 2.

- Tìm đọc thêm các bài thơ được viết theo thể thơ thất ngôn bát cú Đường luật.

|  |  |
| --- | --- |
|  | |
| Họ và tên HS: *…………………………………………………….* Lớp: *……….*  **PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1**  **Tìm hiểu đặc điểm thi luật của bài thơ “Thu điếu”**   * Đặc điểm về bố cục: Bài thơ “Thu điếu” có thể chia làm hai phần: …… câu đầu và …… câu cuối.      |  |  |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | 1 | Ao | thu | lạnh | lẽo | nước | trong | veo | |  |  |  |  |  |  |  |  | | 2 | Một | chiếc | thuyền | câu | bé | tẻo | teo | |  |  |  |  |  |  |  |  | | 3 | Sóng | biếc | theo | làn | hơi | gợn | tí | |  |  |  |  |  |  |  |  | | 4 | Lá | vàng | trước | gió | sẽ | đưa | vèo | |  |  |  |  |  |  |  |  | | 5 | Tầng | mây | lơ | lửng | trời | xanh | ngắt | |  |  |  |  |  |  |  |  | | 6 | Ngõ | trúc | quanh | co | khách | vắng | Teo | |  |  |  |  |  |  |  |  | | 7 | Tựa | gối | buông | cần | lâu | chẳng | được | |  |  |  |  |  |  |  |  | | 8 | Cá | đâu | đớp | động | dưới | chân | Bèo | |  |  |  |  |  |  |  |  |  * Đặc điểm về luật bằng trắc và niêm:   *……………………………………………………………………………………………*  *……………………………………………………………………………………………*  *……………………………………………………………………………………………*  *……………………………………………………………………………………………*  *……………………………………………………………………………………………*  *……………………………………………………………………………………………*   * Đặc điểm về vần, nhịp, đối:   *……………………………………………………………………………………………*  *……………………………………………………………………………………………*  *……………………………………………………………………………………………* | |

****